

Số: 284/QĐ-ĐHXDHN

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v công nhận kết quả nghiệm thu đợt 2 đề tài KH&CN sinh viên năm 2025**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số 144/CP ngày 08/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Xây dựng; Quyết định số 1396/QĐ-TTg ngày 13/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Xây dựng thành Trường Đại học Xây dựng Hà Nội;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Hà Nội được ban hành kèm theo Nghị quyết số 108/NQ-HĐTĐHXDHN ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 231/QĐ-ĐHXDHN của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội ngày 17/3/2022 về việc ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên của Trường Đại học Xây dựng Hà Nội;

Căn cứ theo kết quả họp Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở đề tài KH&CN sinh viên tại các tiểu ban và kết quả họp Hội đồng thẩm định kết quả nghiệm thu đề tài KH&CN sinh viên năm 2025;

Theo đề nghị của Trường Phòng Khoa học và Công nghệ.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả nghiệm thu đề tài KH&CN sinh viên năm 2025, bao gồm 14 đề tài đạt giải Nhất, 31 đề tài đạt giải Nhì, 60 đề tài đạt giải Ba (danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Trưởng các Phòng Khoa học và Công nghệ, Trưởng các Khoa, Ban, các sinh viên và giảng viên hướng dẫn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Lưu: VT, KH&CN.



GS.TS Nguyễn Hoàng Giang



**KẾT QUẢ NGHIỆM THU ĐỀ TÀI KH&CN SINH VIÊN NĂM 2025**

(Theo quyết định số: 284/QĐ-ĐHXDHN ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường  
Đại học Xây dựng Hà Nội)

| TT  | Khoa                          | Số đề tài<br>nghiệm<br>thu | Số đề tài đạt giải |           |           |           |
|-----|-------------------------------|----------------------------|--------------------|-----------|-----------|-----------|
|     |                               |                            | Tổng số            | Nhất      | Nhì       | Ba        |
| 1.  | Khoa Kiến trúc và Quy hoạch   | 19                         | 14                 | 2         | 5         | 7         |
| 2.  | Khoa Cầu đường                | 14                         | 9                  | 1         | 3         | 5         |
| 3.  | Khoa Xây dựng DD và CN        | 16                         | 12                 | 2         | 3         | 7         |
| 4.  | Khoa Kỹ thuật Môi trường      | 11                         | 8                  | 1         | 2         | 5         |
| 5.  | Khoa Kinh tế và QLXD          | 17                         | 15                 | 2         | 4         | 9         |
| 6.  | Khoa Vật liệu Xây dựng        | 26                         | 21                 | 3         | 6         | 12        |
| 7.  | Khoa Cơ khí                   | 17                         | 10                 | 1         | 3         | 6         |
| 8.  | Khoa Xây dựng Công trình thủy | 4                          | 3                  | 0         | 1         | 2         |
| 9.  | Khoa Công nghệ Thông tin      | 9                          | 7                  | 1         | 2         | 4         |
| 10. | Ban Đào tạo KS CLC            | 8                          | 6                  | 1         | 2         | 3         |
|     | <b>Tổng</b>                   | <b>141</b>                 | <b>105</b>         | <b>14</b> | <b>31</b> | <b>60</b> |



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

**KẾT QUẢ NGHIỆM THU CÁC ĐỀ TÀI KH&CN SINH VIÊN NĂM 2025**  
**KHOA KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH**

(Theo quyết định số: 284/QĐ-ĐHXDHN ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

| TT | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                                          | Sinh viên thực hiện                                                                                   | Lớp                                             | Giáo viên hướng dẫn                            | Kết quả    |
|----|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------|
| 1. | KD-2025-01 | Nghiên cứu vật liệu và hình thức kiến trúc tân bản địa cho nhà trình tường thông Bản Khiêng, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn                                          | Trần Thị Mai Anh<br>Hoàng Thị Hoa<br>Phạm Ngọc Hà                                                     | 68KD1<br>68KD3<br>68KD1                         | PGS.TS. Trần Minh Tùng                         | Giải Ba    |
| 2. | KD-2025-02 | Nghiên cứu không gian xanh chữa lành cho sinh viên Hà Nội                                                                                                           | Nguyễn Cẩm Châu<br>Nguyễn Nam Phương<br>Phạm Đức Khiêm                                                | 68KDEC2<br>68KDEC2<br>68KDEC2                   | PGS.TS. Trần Minh Tùng                         | Giải Ba    |
| 3. | KD-2025-04 | Khai thác giá trị kiến trúc nhà ở truyền thống trong phát triển du lịch nông thôn tỉnh Nghệ An. Trường hợp nghiên cứu bản Hoa Tiến (xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Châu) | Phan Trần Khánh<br>Trương Mạnh Hùng<br>Lý Vũ Hạnh Nguyên<br>Kiều Đức Đại<br>Nguyễn Văn Lộc            | 2407KD2<br>66KDEC<br>67KD1<br>67KDNTC2<br>67KD2 | ThS. Phạm Thị Mỹ Lan<br>PGS.TS. Trần Minh Tùng | Giải Nhì   |
| 4. | KD-2025-05 | Nghiên cứu về sự tương tác xung quanh công viên Thống Nhất sau chính sách gỡ bỏ tường rào                                                                           | Nguyễn Hà Chi<br>Trần Thanh Nhân<br>Đỗ Thị Bích Bông<br>Trần Nguyễn Mai Linh<br>Nguyễn Thị Diễm Quỳnh | 69KDE2<br>69KDE2<br>69KDE2<br>69KDE2<br>69KDE2  | ThS. Doãn Thế Trung<br>ThS. Nguyễn Mạnh Trí    | Hoàn thành |
| 5. | KD-2025-08 | Nghiên cứu không gian học tập sáng tạo theo mô hình đào tạo theo Xưởng của sinh viên ngành Kiến Trúc. Áp dụng tại Trường Đại học Xây dựng Hà Nội                    | Vũ Hương Trà<br>Phạm Sầm Trúc Anh<br>Lại Thành Công<br>Trần Thị Thùy Giang<br>Nguyễn Thanh Sơn        | 69KDE2<br>69KDE2<br>69KDE2<br>69KDE2<br>69KDE2  | TS. Lê Nam Phong<br>ThS. Đào Quỳnh Anh         | Giải Ba    |
| 6. | KD-2025-09 | Nghiên cứu mô hình khu vui chơi ngoài trời giúp trẻ em đặc biệt tiếp cận và hòa nhập tốt với cộng đồng tại thành phố Hà Nội                                         | Nguyễn Phương Lâm<br>Mai Vũ Thái Hà<br>Nguyễn Nhật Linh<br>Trần Quang Trường                          | 69KDE1<br>69KDE1<br>69KDE1<br>67KD1             | TS. Lê Nam Phong<br>ThS. Đào Quỳnh Anh         | Hoàn thành |



| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                                       | Sinh viên thực hiện                                                                           | Lớp                                                   | Giáo viên hướng dẫn                        | Kết quả    |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------|
| 7.  | KD-2025-13 | Nghiên cứu sự ảnh hưởng của du lịch đến không gian kiến trúc làng nghề thủ công truyền thống khu vực miền núi phía Bắc                                           | Nguyễn Thu Trang<br>Nguyễn Phú Cường<br>Phạm Thị Khánh Vy<br>Hoàng Quang Phú<br>Vũ Đức Tâm    | 65KSKDEC<br>66KD2<br>65KSKDEC<br>65KSKDEC<br>65KSKDFC | ThS. Phan Tiến Hậu<br>TS. Lê Nam Phong     | Giải Ba    |
| 8.  | KD-2025-15 | Nghiên cứu hướng tiếp cận của thiết kế toàn diện cho nhà ở xã hội tại Hà Nội                                                                                     | Nguyễn Anh Dũng<br>Tạ Tuấn Việt<br>Hoàng Thành Nam<br>Trần Trâm Anh                           | 2407KDNC<br>2407KDNC<br>2407KDNC<br>66KDNC            | TS. Lê Lan Hương<br>ThS. Nguyễn Thùy Trang | Giải Nhì   |
| 9.  | KD-2025-16 | Nghiên cứu mô hình công trình công nghiệp xanh áp dụng cho Cụm công nghiệp ở Thanh Trì, Hà Nội                                                                   | Phạm Hoàng Anh<br>Bùi Duy Anh<br>Nguyễn Tất Nam<br>Trinh Thị Quỳnh Nga                        | 66KDFC<br>66KDFC<br>66KDFC<br>66KD1                   | ThS. Nguyễn Thị Vân Hương                  | Giải Ba    |
| 10. | KD-2025-18 | Nghiên cứu các không gian mở công cộng trong khu đô thị mới theo hướng tiếp cận của thiết kế toàn diện. Nghiên cứu trường hợp tại phường Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội | Nguyễn Hồng Ngọc<br>Hoàng Tuyết Mai<br>Phạm Quốc Việt<br>Nguyễn Quang Huy<br>Nguyễn Thu Trang | 66KDNC<br>66KDNC<br>66KDNC<br>66KDNC<br>66KDEC        | ThS. Nguyễn Thùy Trang<br>TS. Lê Lan Hương | Giải Nhì   |
| 11. | KD-2025-19 | Nghiên cứu đánh giá các sân chơi hoà nhập dành cho trẻ em tại Hà Nội                                                                                             | Lê Thanh Huyền<br>Lê Kim khánh<br>Lê Phương Hiền                                              | 68KDCNC<br>68KDCNC<br>68KDCNC                         | ThS. Lê Đỗ Đạt<br>ThS. Nguyễn Thùy Trang   | Hoàn thành |
| 12. | KD-2025-20 | Nghiên cứu mô hình bệnh xá tích hợp các giải pháp kiến trúc bản địa và công nghệ xây dựng hiện đại tại huyện Simacai - tỉnh Lào Cai                              | Trần Hà My<br>Vũ Khánh Linh<br>Đào Phương Tú Anh<br>Nguyễn Trần Phương Thảo<br>Bùi Duy Anh    | 67KDEC1<br>67KDEC1<br>67KDEC1<br>67KDEC1<br>66KDFC    | ThS. Nguyễn Duy Thanh                      | Giải Nhì   |
| 13. | KD-2025-21 | Nghiên cứu giải pháp thiết kế đô thị thúc đẩy tính sinh thái và nhân văn của không gian đi bộ - đạp xe hai bên bờ sông Tô Lịch đoạn từ Cầu Giấy tới Ngã Tư Sở    | Dương Mai Hương<br>Lê Minh Khánh                                                              | 66QHC<br>66QHC                                        | ThS. Nguyễn Thanh Tú                       | Giải Nhì   |



| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                                                 | Sinh viên thực hiện                                                                                       | Lớp                                                      | Giáo viên hướng dẫn                         | Kết quả    |
|-----|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|
| 14. | KD-2025-22 | Nghiên cứu sự chuyển đổi không gian xung quanh và định hướng tổ chức hoạt động dịch vụ theo mô hình TOD tại các điểm ga đường sắt đô thị Hà Nội nhằm giảm phát thải Carbon | Bùi Khánh Huyền<br>Dương Mai Hương<br>Phan Mỹ Trinh                                                       | 66QHC<br>66QHC<br>66QHC                                  | TS. Lê Minh Khuê                            | Giải Nhất  |
| 15. | KD-2025-23 | Nghiên cứu mô hình công viên chuyên đề nông nghiệp hướng đến bảo tồn thích ứng hệ sinh thái ngập nước tại khu vực bờ Vở sông Hồng, Hà Nội                                  | Nguyễn Thúy Hiền<br>Trần Phúc Lộc<br>Nguyễn Ngọc Huy                                                      | 66QHC<br>66QHC<br>66QHC                                  | TS. Lê Minh Khuê                            | Giải Ba    |
| 16. | KD-2025-24 | Nghiên cứu giải pháp thiết kế Module đồ nội thất kết hợp ứng dụng phụ kiện nội thất cho không gian ký túc xá sinh viên Hà Nội                                              | Nguyễn Quang Dũng<br>Nguyễn Việt Đức<br>Nguyễn Hữu Trường Giang<br>Nguyễn Quốc Thái<br>Lê Trần Khánh Linh | 68KDNTC1<br>68KDNTC1<br>68KDNTC1<br>68KDNTC1<br>68KDNTC1 | ThS. Lê Thị Phương Dung<br>ThS. Dương An Hà | Giải Nhất  |
| 17. | KD-2025-25 | Nghiên cứu quy hoạch du lịch cộng đồng làng Cựu, xã Vân Từ, Phú Xuyên, Hà Nội theo hướng bền vững                                                                          | Hoàng Mai Chi<br>Cao Thanh Tuấn<br>Nguyễn Duy Anh<br>Đặng Thị Hiền<br>Phan Quốc Anh                       | 67KD4<br>67KD4<br>67KD2<br>67KD4<br>67KD4                | ThS. Nguyễn Công Thiện                      | Hoàn thành |
| 18. | KD-2025-26 | Nghiên cứu khả năng ứng dụng ván ép tái chế từ rác thải nhựa trong không gian nội thất các công trình thương mại dịch vụ tại Hà Nội                                        | Nguyễn Tiến Đức<br>Ngô Đức Thuận<br>Đỗ Đình Nam<br>Lê Thị Hoài Thương<br>Nguyễn Minh Việt Hoàng           | 68KDNTC1<br>68KDNTC1<br>68KDNTC1<br>68KDNTC1<br>68KDNTC1 | ThS. Đỗ Thu Thủy                            | Hoàn thành |
| 19. | KD-2025-27 | Nghiên cứu tổ chức không gian khu vực trung tâm Bắc Hà hướng tới phát triển du lịch bền vững gắn với văn hóa bản địa                                                       | Phạm Việt Bách<br>Nguyễn Như Hoài Nam<br>Nguyễn Quang Minh<br>Vũ Văn Tài                                  | 66QHC<br>66QHC<br>66QHC<br>66QHC                         | ThS. Dương Quỳnh Nga                        | Giải Ba    |

(Danh sách gồm 19 đề tài)



**KẾT QUẢ NGHIỆM THU CÁC ĐỀ TÀI KH&CN SINH VIÊN NĂM 2025**  
**KHOA CẦU ĐƯỜNG**

(Theo quyết định số: 284/QĐ-ĐHXDHN ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

| TT | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                          | Sinh viên thực hiện                                                           | Lớp                                | Giáo viên hướng dẫn                        | Kết quả    |
|----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|------------|
| 1. | CD-2025-01 | Nghiên cứu đánh giá một số giải pháp giảm ùn tắc giao thông và phát thải từ phương tiện giao thông cá nhân tại Hà Nội                               | Trần Anh Thắng<br>Nguyễn Văn Tăng<br>Nguyễn Thị Thùy Linh<br>Nguyễn Minh Quân | 68CDQ2<br>66CD3<br>68CDQ2<br>66CDE | TS.Vũ Minh Tâm                             | Giải Ba    |
| 2. | CD-2025-02 | Đánh giá khả năng thoát nước của kết cấu mặt đường thấm nước làm từ vật liệu tái chế                                                                | Vi Anh Tú<br>Nguyễn Thành Quyết<br>Lê Đức Mạnh                                | 66CD2<br>66CD1<br>66CD3            | TS. Thái Hồng Nam                          | Hoàn thành |
| 3. | CD-2025-03 | Nghiên cứu chỉ tiêu kỹ thuật của bê tông nhựa rỗng được sản xuất từ cốt liệu tái chế                                                                | Mai Nam Khánh<br>Vi Anh Tú<br>Trần Anh Danh                                   | 66CD3<br>66CD2<br>66CD3            | TS. Thái Hồng Nam                          | Giải Nhất  |
| 4. | CD-2025-05 | Nghiên cứu ứng dụng ảnh viễn thám độ phân giải cao và các thuật toán học sâu trong phát hiện trượt lở đất                                           | Bùi Quang Vinh<br>Nguyễn Thế Việt<br>Phạm Quốc Hùng                           | 68CDQ2<br>68CDQ2<br>68CDQ2         | ThS. Khúc Thành Đông<br>ThS. Vũ Đình Chiểu | Hoàn thành |
| 5. | CD-2025-06 | Phân biệt và xác định vị trí, chiều dài vết nứt trên kết cấu bê tông sử dụng thuật toán học máy sâu (deap learning)                                 | Nguyễn Tấn Phát<br>Dương Văn Hân<br>Ngô Xuân Tiến<br>Đỗ Hoàng Hà              | 67CDE<br>67CD2<br>68CD2<br>67CD2   | TS. Nguyễn Hương Dương                     | Giải Ba    |
| 6. | CD-2025-07 | Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xử lý hình ảnh để phát hiện hư hỏng của tấm pin năng lượng mặt trời phục vụ công tác đánh giá chất lượng | Nguyễn Khánh Chi<br>Lã Minh Khánh                                             | 67CS2<br>67CS1                     | PGS.TS Lê Bá Danh<br>ThS. Nguyễn Đình Quý  | Giải Nhì   |



| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                                      | Sinh viên thực hiện                                                                                 | Lớp                                         | Giáo viên hướng dẫn                                           | Kết quả    |
|-----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------|
| 7.  | CD-2025-08 | Nghiên cứu mô phỏng ứng xử cơ học của trụ điện gió sử dụng phương pháp phần tử hữu hạn                                                                          | Chữ Mạnh Tiến<br>Vũ Chí Kiên<br>Trương Minh Trọng                                                   | 66CDE<br>66CDE<br>2407CD                    | PGS.TS Lê Bá Danh<br>ThS. Nguyễn Hùng Sơn                     | Giải Ba    |
| 8.  | CD-2025-09 | Nghiên cứu các mô hình ma sát thành bên t-z và kháng mũi cọc q-z thu được từ kết quả thí nghiệm O-cell để dự báo sức chịu tải của cọc khoan nhồi đường kính nhỏ | Nguyễn Thành Sơn<br>Ngân Văn Trung<br>Trần Sỹ Ben<br>Nguyễn Mai Phương<br>Đoàn Mạnh Quân            | 68CD2<br>68CD2<br>68CD2<br>70QLDA2<br>67KT4 | TS. Phạm Việt Anh<br>ThS. Vũ Công Viên<br>ThS. Lê Thị Ngọc Hà | Giải Ba    |
| 9.  | CD-2025-10 | Mô hình thí nghiệm trong phòng xác định sức chịu tải của cọc bằng thí nghiệm nén tĩnh theo các phương pháp gia tải khác nhau                                    | Vũ Thành Long<br>Nguyễn Tiến Hải Nam<br>Nguyễn Trần Khánh Huyền<br>Nguyễn Trung Đức<br>Vũ Duy Khánh | 67XE2<br>67XE2<br>68CD1<br>67XE2<br>69XD3   | ThS. Vũ Công Viên<br>TS. Phạm Việt Anh<br>ThS. Lê Thị Ngọc Hà | Giải Nhì   |
| 10. | CD-2025-11 | Nghiên cứu thực nghiệm đánh giá ảnh hưởng của dạng hình học kết cấu chấn giữ đến sự tiêu tán động năng của dòng lũ bùn đất đá                                   | Đàm Đức Hùng<br>Lê Tuấn Anh<br>Phan Thị Nga<br>Đinh Văn Nguyên                                      | 66XE1<br>66XE1<br>66XE1<br>66XE1            | TS Nguyễn Thanh Sơn                                           | Giải Nhì   |
| 11. | CD-2025-12 | Xác định độ nhám bề mặt lớp bê tông nhựa bằng thí nghiệm trong phòng                                                                                            | Nguyễn Anh Tuấn<br>Bùi Mạnh Đạt<br>Nguyễn Minh Ngọc<br>Nguyễn Văn Hùng                              | 66CD2<br>68CDE<br>68CDE<br>68CDE            | TS. Cao Phú Cường                                             | Hoàn thành |
| 12. | CD-2025-13 | Nghiên cứu quan hệ giữa mật độ phương tiện giao thông và tốc độ dòng xe hỗn hợp tại nhánh vào của một số nút giao thông của thành phố Hà Nội                    | Bùi Mạnh Đạt<br>Nguyễn Minh Ngọc<br>Nguyễn Văn Hùng                                                 | 68CDE<br>68CDE<br>68CDE                     | TS. Cao Phú Cường                                             | Hoàn thành |
| 13. | CD-2025-15 | Nghiên cứu xây dựng đầu tư hạng mục gia cố mái dốc                                                                                                              | Nguyễn Phương Thúy<br>Ngô Thị Thanh Tươi<br>Nguyễn Thị Trang<br>Đinh Tiến Đạt<br>Lê Phương Thảo     | 66KT1<br>66KT5<br>66KT1<br>65TH2<br>66KT3   | TS. Phạm Việt Anh<br>ThS. Lê Thị Ngọc Hà                      | Giải Ba    |



| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                              | Sinh viên thực hiện                           | Lớp                      | Giáo viên hướng dẫn | Kết quả    |
|-----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------|---------------------|------------|
| 14. | CD-2025-16 | Nghiên cứu các loại tường có cột và so sánh chúng về mặt tính toán thiết kế và thi công | Đỗ Hồng Lĩnh<br>Lê Đức Thắng<br>Đỗ Thanh Bình | 66XD5<br>66XD5<br>66XD12 | TS. Phạm Thế Anh    | Hoàn thành |

(Danh sách gồm 14 đề tài)



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

KẾT QUẢ NGHIỆM THU CÁC ĐỀ TÀI KH&CN SINH VIÊN NĂM 2025  
KHOA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

(Theo quyết định số: 284/QĐ-ĐHXDHN ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

| TT | Mã số      | Tên đề tài                                                                                               | Sinh viên thực hiện                                                                | Lớp                                       | Giáo viên hướng dẫn                         | Kết quả    |
|----|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|
| 1. | XD-2025-01 | Nghiên cứu tính toán thiết kế kết cấu bê tông cốt thép cho nhà nhiều tầng chịu tác động động đất         | Hoàng Phúc Lâm<br>Đàm Đức Hùng<br>Vũ Quang Việt<br>Đinh Văn Nguyên<br>Phan Thị Nga | 66XE1<br>66XE1<br>66XE1<br>66XE1<br>66XE1 | PGS.TS Đinh Văn Thuật                       | Giải Nhì   |
| 2. | XD-2025-02 | Nghiên cứu tính toán thiết kế hệ giằng và liên kết của kết cấu thép cho nhà nhiều tầng chịu động đất     | Lê Đức Hòa<br>Huỳnh Thanh Lâm                                                      | 65XE3<br>65KSXD1                          | PGS.TS Đinh Văn Thuật                       | Hoàn thành |
| 3. | XD-2025-03 | Nghiên cứu ứng xử cơ học của dầm tiết diện chữ T được gia cường kháng cắt bằng bê tông cường độ siêu cao | Lương Hiền Huy<br>Nguyễn Hồng Lộc                                                  | 67XD12<br>67XD12                          | PGS.TS Nguyễn Ngọc Tân                      | Giải Nhất  |
| 4. | XD-2025-04 | Nghiên cứu một số tính chất cơ học của bê tông cốt liệu tái chế theo phương pháp tiếp cận dữ liệu        | Nguyễn Hoàng Hiệp                                                                  | 66XD6                                     | PGS.TS Nguyễn Ngọc Tân                      | Giải Nhất  |
| 5. | XD-2025-05 | Tính toán cột mảnh BTCT theo TCVN 5574-2018, EC2-2004 và ACI-318-2019                                    | Nguyễn Anh Tuấn<br>Nguyễn Tấn Tài<br>Hoàng Đình Hiếu<br>Lê Thị Anh Thư             | 67XD10<br>67XD10<br>67XD10<br>66TH1       | TS. Trần Việt Tâm                           | Giải Ba    |
| 6. | XD-2025-06 | Nghiên cứu, tính toán mômen xoắn tác dụng lên bánh xe con nâng hàng và bánh xe chân cầu Long Môn         | Đoàn Đình Hiếu<br>Nguyễn Văn Long<br>Nguyễn Trần Khánh Duy                         | 68XD3<br>68XD3<br>68XD3                   | ThS. Nguyễn Tiến Đắc<br>ThS. Lê Ngọc Phương | Giải Ba    |



| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                  | Sinh viên thực hiện                                                                       | Lớp                                           | Giáo viên hướng dẫn                               | Kết quả    |
|-----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------|
| 7.  | XD-2025-07 | Nghiên cứu, tính toán độ võng của dầm thép giản đơn chịu tải trọng động tại giữa nhịp theo phương pháp tập trung khối lượng | Nguyễn Đức Anh<br>Đặng Văn Quân<br>Nguyễn Thế Hoàng<br>Nguyễn Quang Thái<br>Đinh Thế Anh  | 68XD1<br>68XD1<br>68XD1<br>68XD1<br>68XD1     | ThS. Lê Ngọc Phương<br>ThS. Nguyễn Tiến Đắc       | Hoàn thành |
| 8.  | XD-2025-09 | Tính toán dao động và hạn chế dao động của vật nâng trong cơ cấu cầu trục có biến dạng đàn hồi                              | Nguyễn Thái Hoà<br>Nguyễn Sỹ Tùng Anh<br>Nguyễn Trần Đình Tùng<br>Trịnh Minh Đăng         | 68XF<br>68XF<br>68XF<br>68XF                  | TS. Nguyễn Sỹ Nam<br>ThS. Phạm Hồng Anh           | Giải Ba    |
| 9.  | XD-2025-10 | Nghiên cứu sử dụng cốt liệu tái chế từ phế thải khối xây gạch đỏ chế tạo bê tông tự lèn có hàm lượng tro bay cao            | Đỗ Xuân Cường<br>Trần Quỳnh Trang<br>Nguyễn Nam Sơn<br>Đặng Hoàng Anh<br>Lương Tuấn Dũng  | 66XD1<br>67KD1<br>64XD9<br>67XD11<br>69XF     | PGS.TS Nguyễn Hùng Cường                          | Giải Ba    |
| 10. | XD-2025-11 | Tiên đoán chế độ nhiệt trong bê tông khối lớn bằng mô hình trí tuệ nhân tạo                                                 | Hà Minh Đức<br>Lê Văn Toàn<br>Nguyễn Minh Đức<br>Nguyễn Đình Sơn<br>Ngô Thanh Lâm         | 68XE1<br>2407XE<br>68XE1<br>68XE1<br>68XE2    | TS. Lưu Văn Thực                                  | Giải Nhì   |
| 11. | XD-2025-12 | Đánh giá ảnh hưởng của các tham số đến cường độ bê tông UHPC bằng phương pháp xử lý số liệu                                 | Nguyễn Lâm Tùng<br>Trần Thế Trung<br>Hà Hải Trung<br>Nguyễn Hồng Phong                    | 67XE2<br>67XE2<br>67XE2<br>67XE2              | PGS. TS Đặng Xuân Hùng<br>PGS. TS Phạm Thanh Tùng | Hoàn thành |
| 12. | XD-2025-13 | Phân tích kết cấu bê tông cốt thép chống lại sụp đổ lũy tiến                                                                | Nguyễn Tiến Long<br>Nguyễn Bình Minh<br>Lê Đức Mạnh<br>Nguyễn Kim Hải Nam<br>Hồ Chính Văn | 66XD12<br>66XD12<br>66XD12<br>66XD12<br>66XD3 | TS. Trần Mạnh Hà                                  | Hoàn thành |



| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                        | Sinh viên thực hiện                                                                          | Lớp                                         | Giáo viên hướng dẫn                                | Kết quả  |
|-----|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------|
| 13. | XD-2025-14 | Nghiên cứu thực nghiệm khảo sát một số tính chất cơ lý của bê tông tự lên sử dụng cốt liệu mịn tái chế và tro bay | Nguyễn Xuân Bách<br>Tạ Thành Đạt<br>Nguyễn Văn Thanh Bình<br>Trần Bình Lực<br>Phạm Minh Quân | 67XD11<br>67KSHT<br>67XD9<br>67XD9<br>67XD7 | TS. Nguyễn Đăng Nguyên<br>PGS.TS Nguyễn Hùng Cường | Giải Ba  |
| 14. | XD-2025-15 | Tính toán và mô phỏng động lực học của máy bay không người lái (UAV)                                              | Võ Quang Minh<br>Nguyễn Đức Hải<br>Đương Trí Bình                                            | 66XD8<br>66XD8<br>67KOC2                    | TS. Hương Quý Trường                               | Giải Nhì |
| 15. | XD-2025-16 | Nghiên cứu khả năng chịu nén đúng tâm của khối xây bằng gạch xi măng cốt liệu                                     | Nguyễn Trọng Sơn<br>Nguyễn Hồng Quân<br>Phạm Ngọc Sơn<br>Nguyễn Trọng Linh                   | 67XD1<br>67XD1<br>67XD1<br>67XD1            | ThS. Trần Thùy Dương<br>PGS.TS Nguyễn Trung Hiếu   | Giải Ba  |
| 16. | XD-2025-18 | Nghiên cứu ổn định của cột có tiết diện thay đổi chịu nén đúng tâm                                                | Nguyễn Tuấn Anh<br>Nguyễn Trần Duy<br>Nguyễn Quang Anh<br>Nguyễn Danh Việt<br>Đinh Nam Cường | 68XD9<br>68XD9<br>68XD9<br>68XD9<br>68XE2   | GS. Trần Minh Tú                                   | Giải Ba  |

(Danh sách gồm 16 đề tài)



KẾT QUẢ NGHIỆM THU CÁC ĐỀ TÀI KH&CN SINH VIÊN NĂM 2025  
KHOA KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

(Theo quyết định số: 284/QĐ-ĐHXDHN ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

| TT | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                          | Sinh viên thực hiện                                                               | Lớp                                            | Giáo viên hướng dẫn                        | Kết quả    |
|----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------|
| 1. | MT-2025-01 | Ứng dụng phần mềm SWMM mô phỏng thiết kế hệ thống thoát nước mưa cho các khu đô thị có áp dụng thoát nước mưa bền vững và tính đến biến đổi khí hậu | Phạm Đức Long<br>Trần Quốc Hưng<br>Nguyễn Khánh Hưng<br>Phan Song Yến Thùy        | 67MNEC<br>67MNEC<br>68KT1<br>67MNEC            | ThS. Nguyễn Trà My<br>KS. Nguyễn Thanh Hải | Giải Ba    |
| 2. | MT-2025-02 | Nghiên cứu đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng tại tòa nhà Giảng đường - Trường Đại học Xây dựng                                                   | Lương Minh Hiếu<br>Vũ Thế Hiển<br>Hoàng Giang<br>Lê Xuân Hòa<br>Trần Quang Tùng   | 66HKC3<br>66HKC3<br>66HKC3<br>66HKC3<br>69HKC1 | PGS. TS Trần Ngọc Quang                    | Giải Ba    |
| 3. | MT-2025-03 | Xác định hàm lượng vi nhựa và kiểm tra độ sạch của một số mẫu nước cấp khu vực nông thôn.                                                           | Vũ Thị Thanh Huyền<br>Lê Thị Thanh An                                             | 66MNE<br>66MNE                                 | TS. Phạm Văn Tới                           | Giải Nhất  |
| 4. | MT-2025-04 | Đánh giá hiệu quả loại bỏ độ đục, hàm lượng cặn và vi khuẩn của hợp chất được chiết xuất từ hạt cây chùm ngây (MO) với nước sông Hồng.              | Phạm Thị Thảo<br>Lê Minh Nguyệt<br>Bùi Thị Ngọc<br>Đỗ Thị Huệ<br>Mai Thuý Hào     | 66MTC<br>66MTC<br>66MTC<br>66MTC<br>66MTC      | ThS. Nguyễn Thúy Liên                      | Giải Nhì   |
| 5. | MT-2025-05 | Đề xuất các phương án kỹ thuật để quản lý nước mưa nhiễm dầu phát sinh từ cơ sở xăng dầu và bãi đỗ xe                                               | Lê Đức Mạnh<br>Nguyễn Tuấn Anh<br>Đặng Duy Anh<br>Mai Thế Quyền<br>Ngô Viết Quyết | 67MNC<br>67MNC<br>67MNC<br>67MNC<br>67MNC      | TS. Trần Đức Minh Hải                      | Hoàn thành |



| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                                                | Sinh viên thực hiện                                                 | Lớp                                  | Giáo viên hướng dẫn                        | Kết quả    |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------|------------|
| 6.  | MT-2025-06 | Nghiên cứu tính khả thi của màng thẩm thấu xuôi (FO) để cô đặc nước thải trong điều kiện thực tế tại Việt Nam và đề xuất các giải pháp kỹ thuật phù hợp để rửa màng.      | Lại Phương Thủy<br>Lê Đức Mạnh<br>Nguyễn Thị Thu Loan               | 66MN2<br>67MNC<br>66MN2              | TS. Trần Đức Minh Hải                      | Hoàn thành |
| 7.  | MT-2025-07 | Xây dựng công thức mô phỏng quá trình bay hơi và ổn định bùn hồ đô thị trên sân phơi kết hợp trồng cây – Ứng dụng dữ liệu thực nghiệm để hiệu chỉnh mô hình               | Lê Hồng Ánh<br>Lưu Thị Quỳnh Như                                    | 68MNC<br>68MNC                       | TS. Trần Thúy Anh<br>TS. Trần Đức Minh Hải | Hoàn thành |
| 8.  | MT-2025-08 | Nghiên cứu đánh giá khả năng sản xuất Carboxylate từ dòng thải nhà bếp công nghiệp.                                                                                       | Nguyễn Phương Quý<br>Nguyễn Minh Đức<br>Trần Ngọc Hải Phương        | 66MN2<br>67MNEC<br>67MNEC            | PGS.TS Dương Thu Hằng                      | Giải Ba    |
| 9.  | MT-2025-09 | Nghiên cứu phát triển công nghệ xử lý nước ứng dụng màng lọc nano áp lực thấp thức ứng suy thoái chất lượng nước mặt                                                      | Nguyễn Tiến Dũng<br>Lý Bá Duy                                       | 68MNC<br>68MNC                       | TS. Phạm Duy Đông                          | Giải Ba    |
| 10. | MT-2025-10 | Tính toán phát thải khí nhà kính từ hệ thống thu gom chất thải rắn quận Hoàn Kiếm thành phố Hà Nội sử dụng dữ liệu số                                                     | Phạm Hồng Lộc                                                       | 67MTC                                | ThS. Vũ Việt Hà                            | Giải Ba    |
| 11. | MT-2025-12 | Đánh giá hiện trạng chất lượng không khí xung quanh khu vực hồ Hoàn Kiếm. Đề xuất các giải pháp cho để nâng cao chất lượng không khí cho khu vực xung quanh hồ Hoàn Kiếm. | Nguyễn An Ninh<br>Bùi Quốc Anh<br>Nguyễn Danh Triết<br>Bùi Như Khải | 67HKEC<br>67HKEC<br>67HKEC<br>67HKEC | ThS. Nguyễn Thị Huệ<br>ThS. Hoàng Xuân Hòa | Giải Nhì   |

(Danh sách gồm 11 đề tài)



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI**

**KẾT QUẢ NGHIỆM THU CÁC ĐỀ TÀI KH&CN SINH VIÊN NĂM 2025**  
**KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ XÂY DỰNG**

(Theo quyết định số: 284/QĐ-ĐHXDHN ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

| TT | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                | Sinh viên thực hiện                                                                               | Lớp                                       | Giáo viên hướng dẫn                                           | Kết quả   |
|----|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------|
| 1. | KT-2025-01 | Nghiên cứu quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản                | Bùi Vũ Yến Linh                                                                                   | 69KTDT                                    | ThS. Đinh Văn Trường                                          | Giải Ba   |
| 2. | KT-2025-14 | Mô hình phát triển nhà ở xã hội tại Singapore (Chương trình HDB): Phân tích kinh nghiệm và khả năng ứng dụng tại Việt Nam | Nguyễn Ngọc Anh<br>Nguyễn Thị Huyền Giang<br>Ninh Văn Hậu<br>Vũ Minh Hoàng<br>Phạm Thùy Trang     | 66QD1<br>66QD1<br>66QD1<br>66QD1<br>66QD1 | PGS.TS Nguyễn Quốc Toàn<br>ThS. Nguyễn Hồng Hải               | Giải Nhất |
| 3. | KT-2025-16 | Nghiên cứu hoàn thiện quy trình và phương pháp kiểm toán xây dựng công trình của Hãng kiểm toán ASCO                      | Nguyễn Trần Bảo Ngọc<br>Hoàng Thị Thu<br>Nguyễn Khánh Duy                                         | 66KT1<br>66QD1<br>66KT2                   | TS. Nguyễn Thị Thu Hằng<br>Đào Thanh Tú - Hãng kiểm toán ASCO | Giải Nhì  |
| 4. | KT-2025-17 | Nghiên cứu nhu cầu, mong muốn về nhà ở của những người trẻ tuổi tại Hà Nội                                                | Nguyễn Quang Vinh<br>Nguyễn Thị Kim Dung<br>Phạm Thị Yến<br>Phạm Thị Yến                          | 69KT6<br>68KT5<br>68KT5<br>68KT5          | TS. Nguyễn Thị Thúy<br>ThS. Phạm Thúy Bình                    | Giải Ba   |
| 5. | KT-2025-18 | Nghiên cứu đề xuất mô hình bù đắp các-bon nhằm đạt được mục tiêu trung hòa các-bon trong ngành xây dựng Việt Nam          | Nguyễn Việt Hương<br>Đặng Thị Huế<br>Nguyễn Thị Ngọc Anh<br>Nguyễn Thị Nhung<br>Nguyễn Việt Thuận | 68KT1<br>68KT1<br>68KT1<br>68KT7<br>68KT1 | ThS. Nguyễn Việt Hùng                                         | Giải Nhì  |



| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                                | Sinh viên thực hiện                                                                                     | Lớp                                         | Giáo viên hướng dẫn                     | Kết quả    |
|-----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------|------------|
| 6.  | KT-2025-19 | Nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên khoa Kinh tế và Quản lý Xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu xã hội                                                           | Nguyễn Nam Khánh<br>Nguyễn Việt Tuấn<br>Đỗ Nguyễn Khang Ninh<br>Trương Lâm Vũ<br>Trương Việt Vương      | 69KTE<br>69KTE<br>69KTE<br>69KTE<br>69KTE   | TS. Hoàng Văn Giang                     | Hoàn thành |
| 7.  | KT-2025-20 | Nhận thức của sinh viên về sử dụng Chat GPT làm công cụ hỗ trợ học tập và nghiên cứu (nghiên cứu cho trường hợp sinh viên trường Đại học Xây dựng Hà Nội) | Cồ Quỳnh Trang<br>Trần Quỳnh Trang<br>Nguyễn Thị Ngọc<br>Nguyễn Anh Tuấn<br>Hoàng Anh Tuấn              | 69KT8<br>69KT5<br>69KT5<br>67XD10<br>67XD10 | TS. Hoàng Văn Giang                     | Giải Ba    |
| 8.  | KT-2025-21 | Nghiên cứu giải pháp giảm thiểu lãng phí trong quá trình thi công xây dựng nhà xưởng công nghiệp tại một số tỉnh phía Bắc                                 | Nguyễn Thị Thúy<br>Trịnh Phương Ngọc<br>Trần Thị Hồng Trang<br>Hà Thị Minh Thư<br>Nguyễn Thị Ngọc Huyền | 66KT2<br>66KT2<br>66KT2<br>66KT2<br>66KT1   | ThS. Nguyễn Thị Hoan                    | Giải Ba    |
| 9.  | KT-2025-22 | Nghiên cứu ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành tại Việt Nam                                                | Nguyễn Thu Trang<br>Lê Tú Uyên                                                                          | 68KT1<br>68KT1                              | ThS. Nguyễn Việt Hùng                   | Giải Ba    |
| 10. | KT-2025-25 | Khảo sát các bệnh nghề nghiệp của nhân viên văn phòng trong ngành xây dựng Việt Nam                                                                       | Phạm Quốc Khiêm<br>Đoàn Huyền Anh<br>Lê Bảo Long<br>Phạm Minh Trang<br>Nông Quốc Mạnh                   | 66KTE<br>67QD<br>66KTE<br>69KTDĐT<br>67CDQ2 | TS. Nguyễn Văn Tâm<br>ThS. Vũ Văn Phong | Giải Nhì   |
| 11. | KT-2025-26 | Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ AI tạo sinh ( Generative AI) trong công tác quản lý dự án giai đoạn thi công xây dựng công trình tại Việt Nam           | Nguyễn Khánh Hưng<br>Nguyễn Thành Lộc<br>Nguyễn Hải Nam<br>Trịnh Duy Hùng<br>Phương Đình Đức Hiếu       | 68KT1<br>67KT6<br>68KT5<br>68KT1<br>68KT1   | TS. Nguyễn Văn Tâm<br>ThS. Vũ Văn Phong | Giải Ba    |



| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                         | Sinh viên thực hiện                                                                                | Lớp                                            | Giáo viên hướng dẫn                               | Kết quả    |
|-----|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------|
| 12. | KT-2025-27 | Nghiên cứu ứng dụng các công cụ AI tạo sinh (Generative AI) trong công tác đào tạo lĩnh vực xây dựng tại các cơ sở giáo dục bậc đại học ở Việt Nam | Phạm Quốc Khiêm<br>Nguyễn Tiến Mạnh<br>Lê Quang Huy<br>Hồ Phú Nhật<br>Phạm Phúc Khang              | 66KTE<br>67KTE<br>68KTE<br>67KTE<br>67KTE      | TS. Nguyễn Văn Tâm<br>ThS. Vũ Văn Phong           | Giải Nhất  |
| 13. | KT-2025-28 | Nghiên cứu đề xuất các giải pháp tăng cường áp dụng hợp đồng Design & Build, EPC trong đầu tư xây dựng tại Việt Nam                                | Ngô Minh Châu<br>Phạm Thu Quỳnh                                                                    | 66KTE<br>66KTE                                 | TS. Đặng Văn Dừa<br>ThS. Vũ Thị Kim Dung          | Giải Ba    |
| 14. | KT-2025-29 | Xây dựng thang đo đánh giá kỹ năng số cho sinh viên ngành Kinh tế và Quản lý Xây dựng trong bối cảnh chuyển đổi số                                 | Chu Nguyễn Bảo Long<br>Khổng Hà Vy                                                                 | 67KT5<br>67KT7                                 | ThS. Vũ Thị Kim Dung<br>ThS. Đinh Đăng Bách       | Hoàn thành |
| 15. | KT-2025-30 | Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới giá bất động sản: Nghiên cứu điển hình cho loại hình bất động sản chung cư tại Hà Nội                         | Phạm Thu Hà<br>Vũ Thu Trang<br>Nguyễn Đăng Khánh<br>Nguyễn Thị Ngọc Mai                            | 66KT4<br>66KT4<br>66KT2<br>69KTDĐT             | TS. Nguyễn Thị Thuý<br>ThS. Lê Hải Yến            | Giải Nhì   |
| 16. | KT-2025-31 | Quản lý nhà nước về trật tự xây dựng đô thị trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh                                                        | Nguyễn Mạnh Hoàng<br>Nguyễn Hoàng Minh                                                             | 64QD1<br>67QD2                                 | PGS.TS Nguyễn Quốc Toàn<br>TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | Giải Ba    |
| 17. | KT-2025-32 | Phân tích chiến lược đầu tư kinh doanh bất động sản du lịch của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đầu Tư No Va Tại Thành Phố Phan Thiết, Bình Thuận         | Dương Thị Huyền Trang<br>Lê Diệu Anh<br>Đinh Văn Duy<br>Nguyễn Hoàng Nhật Minh<br>Nguyễn Mạnh Hùng | 66BDS1<br>66BDS1<br>66BDS1<br>66BDS1<br>66BDS1 | ThS. Nguyễn Hồng Hải<br>PGS.TS Nguyễn Quốc Toàn   | Giải Ba    |

(Danh sách gồm 17 đề tài)



**KẾT QUẢ NGHIỆM THU CÁC ĐỀ TÀI KH&CN SINH VIÊN NĂM 2025**  
**KHOA VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

(Theo quyết định số: 284/QĐ-ĐHXDHN ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

| TT | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                                  | Sinh viên thực hiện                                                                        | Lớp                                       | Giáo viên hướng dẫn                              | Kết quả   |
|----|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------|
| 1. | VL-2025-01 | Chế tạo nano ZnO và Ag@ZnO định hướng ứng dụng trong men sứ vệ sinh                                                                                         | Lê Thanh<br>Đỗ Kiên Minh<br>Nguyễn Phương Linh                                             | 66MSE1<br>66MSE1<br>69MSE1                | TS. Lê Mạnh Cường<br>TS. Nguyễn Thị Tuyết Mai    | Giải Nhất |
| 2. | VL-2025-02 | Nghiên cứu ảnh hưởng của tỉ lệ muối tiền chất đến sự hình thành của nano Cu@Cu <sub>2</sub> O, hoạt tính quang xúc tác của vật liệu và ứng dụng kháng khuẩn | Đặng Bảo Ngọc<br>Nguyễn Phú Trọng                                                          | 66MSE1<br>66MSE1                          | TS. Lê Mạnh Cường<br>TS. Nguyễn Thị Tuyết Mai    | Giải Ba   |
| 3. | VL-2025-03 | Tăng cường độ ở tuổi sớm của bê tông sử dụng tro bay bằng phụ gia hóa học                                                                                   | Nguyễn Trung Hiếu<br>Lê Quang Huy<br>Đỗ Tiến Trung<br>Nguyễn Việt Hùng                     | 66MSE1<br>66MSE1<br>65KSMSE<br>69CB       | TS. Nguyễn Công Thắng<br>GS.TS Nguyễn Văn Tuấn   | Giải Nhì  |
| 4. | VL-2025-04 | Ảnh hưởng của lớp vữa phủ vi sinh đến độ bền ăn mòn của cốt thép trong bê tông                                                                              | Nguyễn Thanh Hiệp<br>Cao Xuân Phước<br>Lê Anh Khoa                                         | 66MSE1<br>66MSE1<br>66MSE1                | GS.TS Nguyễn Văn Tuấn<br>TS. Bùi Thị Thanh Huyền | Giải Ba   |
| 5. | VL-2025-05 | Nghiên cứu chế tạo bê tông sử dụng cốt liệu nhựa tái chế                                                                                                    | Phùng Tuấn Nghĩa<br>Phạm Văn Việt                                                          | 67VL<br>67VL                              | TS. Trần Đức Trung<br>PGS.TS Văn Viết Thiên Ân   | Giải Nhì  |
| 6. | VL-2025-07 | Nghiên cứu chế tạo gạch không nung sử dụng thạch cao Phospho Đình Vũ                                                                                        | Dương Thị Hương Ly<br>Phạm Thị Hồng Nhung<br>Tạ Đăng Khoa<br>Phạm Danh Lâm<br>Võ Hồng Nhân | 66VL1<br>66VL1<br>66VL1<br>66VL1<br>B29VL | TS. Trần Đức Trung<br>TS. Nguyễn Doãn Bình       | Giải Nhì  |



| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                | Sinh viên thực hiện                                                                      | Lớp                                         | Giáo viên hướng dẫn                            | Kết quả    |
|-----|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------|------------|
| 7.  | VL-2025-08 | Nghiên cứu tổng hợp aluminum phosphate từ xỉ thải nhà máy sản xuất nhôm và ứng dụng làm tác nhân chậm cháy cho vật liệu polymer composite | Nguyễn Văn Hải<br>Nguyễn Duy Thịnh<br>Hoàng Lý Hải<br>Nguyễn Duy Minh                    | 66MSE1<br>66MSE1<br>66MSE1<br>69CLC2        | ThS. Lê Hà Nhật<br>TS. Đỗ Thị Thanh Hà         | Giải Nhất  |
| 8.  | VL-2025-09 | Nghiên cứu biến tính màng NF270 sử dụng trong các hệ thống xử lý nước                                                                     | Nguyễn Khánh Tùng<br>Trần Anh Tuấn                                                       | 67MSE<br>67MSE                              | TS. Đỗ Thị Thanh Hà<br>TS. Lê Mạnh Cường       | Giải Ba    |
| 9.  | VL-2025-10 | Đánh giá khả năng ứng dụng của PAC điều chế từ phế thải nhà máy sản xuất nhôm                                                             | Nguyễn Như Mai<br>Trần Thị Thương<br>Lê Huy Hoàng                                        | 66MSE1<br>67MSE<br>66MSE1                   | TS. Đỗ Thị Thanh Hà<br>TS. Lê Mạnh Cường       | Giải Nhì   |
| 10. | VL-2025-11 | Nghiên cứu nâng cao tính chất vật liệu phủ chống cháy - cách nhiệt sử dụng cenospheres                                                    | Nguyễn Quang Minh<br>Đàm Đức Sơn<br>Đoàn Đình Huy                                        | 66VL1<br>66VL1<br>66VL1                     | PGS.TS Hoàng Vĩnh Long<br>TS. Nguyễn Doãn Bình | Hoàn thành |
| 11. | VL-2025-12 | Nghiên cứu chế tạo vật liệu composite pani - dẫn xuất graphene và định hướng ứng dụng                                                     | Lê Huy Hoàng<br>Nguyễn Như Mai<br>Trần Đức Thành<br>Nguyễn Minh Tuấn<br>Nguyễn Hữu Dương | 66MSE1<br>66MSE1<br>67MSE<br>67MSE<br>67MSE | TS. Bùi Thị Thanh Huyền<br>ThS. Lê Hà Nhật     | Giải Ba    |
| 12. | VL-2025-13 | Nghiên cứu chế tạo bê tông chịu lửa ít xi măng hệ cao alumin                                                                              | Lưu Thanh Nam<br>Hoàng Đình Quân<br>Ngô Hương Trà                                        | 66MSE1<br>66MSE1<br>66VL1                   | PGS.TS Hoàng Vĩnh Long<br>ThS. Hoàng Lê Anh    | Giải Ba    |
| 13. | VL-2025-14 | Nghiên cứu sử dụng bê tông nhẹ dùng vi cầu rỗng từ tro bay (cenosphere) chế tạo tấm cản âm thanh                                          | Phạm Minh Đức<br>Nguyễn Văn Vũ                                                           | 66VL1<br>66VL1                              | TS. Trần Lê Hồng<br>PGS.TS Hoàng Vĩnh Long     | Giải Nhì   |
| 14. | VL-2025-16 | Nghiên cứu ảnh hưởng của hợp phần chất đóng rắn nhựa epoxy đến tính chất của lớp phủ epoxy-graphene oxit                                  | Trần Đức Thành<br>Đặng Đình Đăng<br>Nguyễn Minh Tuấn<br>Nguyễn Hữu Dương                 | 67MSE<br>67MSE<br>67MSE<br>67MSE            | ThS. Nguyễn Tuấn Minh<br>ThS. Lê Hà Nhật       | Hoàn thành |
| 15. | VL-2025-17 | Nghiên cứu khả năng chống thấm và chống ăn mòn khi sử dụng chất kết dính xi măng kết hợp với phụ gia metakaolin và nano silica            | Đỗ Tiến Trung<br>Nguyễn Việt Hùng                                                        | 65KSMSE<br>69CB                             | TS. Nguyễn Công Thắng<br>TS. Lê Mạnh Cường     | Hoàn thành |



| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                      | Sinh viên thực hiện                                                                                 | Lớp                                       | Giáo viên hướng dẫn                                      | Kết quả    |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------|
| 16. | VL-2025-18 | Nâng cao chất lượng của vật liệu chịu lửa cao alumin sử dụng xỉ nhôm                                                            | Nguyễn Doãn Đạt<br>Hoàng Văn Hiếu                                                                   | 66VL1<br>66VL1                            | TS. Nguyễn Doãn Bình<br>PGS.TS Hoàng Vĩnh Long           | Giải Ba    |
| 17. | VL-2025-21 | Nghiên cứu sử dụng bùn đỏ phế thải từ sản xuất alumin thay thế đất sét để sản xuất gạch đất sét nung                            | Phạm Minh Sự<br>Hòa Thiên Phát<br>Lê Thanh                                                          | 66MSE1<br>66MSE1<br>66MSE1                | PGS.TS Văn Viết Thiên Ân<br>TS. Nguyễn Doãn Bình         | Hoàn thành |
| 18. | VL-2025-22 | Nghiên cứu sử dụng cốt liệu tái chế từ phế thải xây dựng làm cốt liệu để chế tạo bê tông cứng không độ sụt                      | Trần Xuân Đức<br>Phạm Anh Chính                                                                     | 66VL1<br>66VL1                            | PGS.TS Văn Viết Thiên Ân<br>ThS. Nguyễn Văn Bính         | Giải Ba    |
| 19. | VL-2025-24 | Nghiên cứu tái sử dụng oxít zircon từ phế thải của ngành nha khoa thẩm mỹ để cải thiện khả năng phản xạ hồng ngoại của men ngói | Ngô Hương Trà<br>Đinh Thị Thu Uyên<br>Trần Nguyễn Hải Đăng<br>Hoàng Văn Hiếu                        | 66VL1<br>66VL1<br>69MSE1<br>66VL1         | TS. Nguyễn Nhân Hòa<br>ThS. Nguyễn Văn Trung - Viện VLXD | Giải Nhất  |
| 20. | VL-2025-25 | Nghiên cứu chế tạo bê tông không xi măng từ phế thải                                                                            | Nguyễn Mạnh Cường<br>Đặng Bình An<br>Đào Việt Cường<br>Nguyễn Đình Đức<br>Phạm Thị Lan Anh          | 2407VL<br>66VL1<br>68VL<br>68VL<br>68VL   | ThS. Mai Quế Anh<br>TS. Nguyễn Trọng Lâm                 | Giải Nhì   |
| 21. | VL-2025-26 | Nghiên cứu chế tạo chất kết dính đặc biệt nặng hướng tới sử dụng cho bê tông cản phóng xạ                                       | Đoàn Phương Anh<br>Chu Duy Điệp<br>Hoàng Đức Quyền<br>Lương Trần Duy Khánh<br>Quản Văn Khải         | 66VL1<br>66VL1<br>68VL<br>69VL1<br>69VL1  | ThS Mai Quế Anh<br>TS. Nguyễn Trọng Lâm                  | Giải Ba    |
| 22. | VL-2025-27 | Nghiên cứu chế tạo và sử dụng xi măng phát thải carbon thấp                                                                     | Trần Hiền Nhung<br>Nguyễn Trần Thu Thủy<br>Phạm Thị Thu Hà<br>Hoàng Quang Tiệp<br>Đặng Thị Minh Ánh | 2407VL<br>2407VL<br>67VL<br>68VL<br>69VL2 | TS. Nguyễn Trọng Lâm<br>ThS. Mai Quế Anh                 | Giải Ba    |



| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                     | Sinh viên thực hiện                                                                           | Lớp                                     | Giáo viên hướng dẫn                            | Kết quả    |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------|------------|
| 23. | VL-2025-28 | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo để thiết kế và tối ưu hóa cấp phối bê tông                           | Nguyễn Thị Hương Giang<br>Phạm Đức Thần<br>Nguyễn Minh Đức<br>Phạm Quang Minh<br>Trần Quý Đức | 66VL1<br>66VL2<br>67VL<br>68VL<br>69VL2 | TS. Nguyễn Trọng Lâm<br>ThS. Mai Quế Anh       | Giải Ba    |
| 24. | VL-2025-29 | Nghiên cứu chế tạo gạch không nung sử dụng tro bay, phục vụ sản xuất muối tại vùng ven biển    | Lưu Tuấn Anh<br>Nguyễn Bá Anh<br>Mai Mạnh Cường<br>Hoàng Văn Đạt                              | 2407MSE<br>65MSE<br>66MSE1<br>66CNMSE   | ThS. Nguyễn Văn Bính<br>PGS.TS Hoàng Vĩnh Long | Hoàn thành |
| 25. | VL-2025-30 | Tổng hợp và nghiên cứu các đặc tính của vật liệu quang xúc tác g-C <sub>3</sub> N <sub>4</sub> | Nguyễn Thị Nga<br>Lê Tiến Đạt<br>Trần Thị Mai<br>Nguyễn Thị Bạch Huệ                          | 66MSE2<br>68MSE<br>68MSE<br>66MSE1      | TS. Chu Thị Thu Hiền<br>ThS. Phạm Minh Thúy    | Giải Ba    |
| 26. | VL-2025-31 | Nghiên cứu tổng hợp điện hóa vật liệu MOFs phù hợp để cải thiện tín hiệu phân tích salbutamol  | Nguyễn Thị Bạch Huệ<br>Nguyễn Thị Nga<br>Nguyễn Kim Sơn<br>Nguyễn Thị Oanh                    | 66MSE1<br>66MSE1<br>66MSE1<br>69MSE2    | TS. Chu Thị Thu Hiền<br>TS. Phạm Thị Hải Yến   | Giải Ba    |

(Danh sách gồm 26 đề tài)



**KẾT QUẢ NGHIỆM THU CÁC ĐỀ TÀI KH&CN SINH VIÊN NĂM 2025**  
**KHOA CƠ KHÍ**

(Theo quyết định số: 284/QĐ-DHXDHN ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

| TT | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                                                | Sinh viên thực hiện                                                                   | Lớp                                           | Giáo viên hướng dẫn                               | Kết quả    |
|----|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------|
| 1. | CK-2025-02 | Giải pháp giảm thiểu dao động cho vật nâng và móc treo trong mô hình toán học xe con cần trục hai bậc tự do trong mặt phẳng chứa cần bằng phương pháp điều khiển thụ động | Nguyễn Quang Tùng<br>Đinh Thị Kiều Oanh<br>Đoàn Quang Dũng<br>Lê Hải Châu             | 67KOC1<br>66KG<br>69KEC<br>69KEC              | ThS. Lê Hồng Quân                                 | Giải Ba    |
| 2. | CK-2025-03 | Nghiên cứu thực nghiệm các phương pháp tôi thép C45 đạt chất lượng cao                                                                                                    | Nguyễn Huy Toàn<br>Lã Văn Vinh<br>Nguyễn Huy Hoàng                                    | 68ME1<br>68ME1<br>68ME1                       | ThS. Tống Đức Năng                                | Hoàn thành |
| 3. | CK-2025-04 | Nghiên cứu phát thiết bị tạo lực rung theo một phương một chiều                                                                                                           | Nguyễn Đức Quân<br>Nguyễn Huy Toàn                                                    | 68ME1<br>68ME1                                | PGS.TS Nguyễn Văn Tịnh                            | Giải Ba    |
| 4. | CK-2025-05 | Nghiên cứu tính toán thiết kế giảm chấn                                                                                                                                   | Đồng Quốc Bảo<br>Trần Minh Tuấn<br>Bùi Trần Đại Dương                                 | 67ME1<br>67ME1<br>67ME1                       | PGS.TS Dương Trường Giang<br>ThS. Nguyễn Ngọc Hải | Giải Ba    |
| 5. | CK-2025-06 | Mô phỏng sóng siêu âm tạo bởi laser lan truyền trong tấm nhôm có tồn tại vết nứt                                                                                          | Nguyễn Tiến Dũng<br>Phoeurn Makara<br>Bùi Quang Đăng<br>Đinh Xuân Kháng               | 68KM<br>68KM<br>68KM<br>68KM                  | TS. Nguyễn Tiến Dũng                              | Giải Nhì   |
| 6. | CK-2025-07 | Nghiên cứu máy bơm tự áp                                                                                                                                                  | Đàm Minh Quân<br>Thái Duy Thành<br>Hà Quỳnh Nga<br>Nguyễn Hữu Hải<br>Nguyễn Huy Hoàng | 68MEC1<br>69KEC<br>68MEC1<br>68MEC2<br>68MEC2 | ThS. Nguyễn Văn Mẫn<br>ThS. Nguyễn Văn Thiện      | Giải Ba    |



| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                          | Sinh viên thực hiện                                                                          | Lớp                                            | Giáo viên hướng dẫn                               | Kết quả    |
|-----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------|
| 7.  | CK-2025-08 | Phương pháp điều khiển dự báo dòng điện nâng cao cho bộ nghịch lưu 7 pha 3 mức cấu trúc kép (DSVSI) | Vũ Tuấn Kỳ<br>Đình Đức Phong<br>Phạm Duy Khánh<br>Vũ Văn Dương<br>Nguyễn Đức Huy             | 67MEC2<br>67MEC3<br>67MEC2<br>67MEC2<br>69MEC2 | TS. Vũ Hữu Công                                   | Hoàn thành |
| 8.  | CK-2025-09 | Phương pháp điều khiển dự báo dòng điện cải tiến cho bộ nghịch lưu 5 mức cấu trúc cầu H-NPC.        | Vũ Văn Dương<br>Lê Quốc Huy<br>Nguyễn Hương Giang<br>Nguyễn Việt Bách<br>Vũ Tuấn Kỳ          | 67MEC2<br>69MEC2<br>67MEC2<br>67MEC2<br>67MEC2 | TS. Vũ Hữu Công<br>TS. Phó Bảo Bình               | Giải Nhì   |
| 9.  | CK-2025-12 | Nghiên cứu phát triển mobile robot phục vụ giám sát an ninh                                         | Nguyễn Thành Công<br>Nguyễn Thanh Tùng<br>Nguyễn Văn Phát                                    | 66MEC1<br>66MEC1<br>66MEC1                     | TS. Phó Bảo Bình<br>TS. Nguyễn Sỹ Nam             | Giải Nhất  |
| 10. | CK-2025-15 | Nghiên cứu thiết kế hệ nâng vật không tiếp xúc bằng từ trường                                       | Lương Tiến Thành<br>Nguyễn Quang Đạo<br>Nguyễn Quang Long<br>Đặng Gia Huy<br>Nguyễn Đình Báu | 67MEC3<br>67MEC3<br>67MEC3<br>67MEC3<br>67MEC3 | ThS. Nguyễn Danh Giang<br>ThS. Phan Thị Cẩm Trang | Giải Ba    |
| 11. | CK-2025-17 | Nghiên cứu xây dựng bài thực hành về cảm biến nhiệt điện trở Pt100                                  | Nguyễn Tùng Lâm<br>Trần Minh Đức                                                             | 69MEC2<br>69MEC2                               | TS. Phạm Văn Tòng                                 | Giải Ba    |
| 12. | CK-2025-18 | Tìm hiểu về vai trò của bánh đà trên phương tiện ô tô điện và ô tô sử dụng nhiên liệu truyền thống  | Lương Anh Tuấn<br>Nguyễn Duy Hiếu<br>Kiều Quang Huy<br>Phạm Đức Long<br>Nguyễn Đức Sơn       | 68KOC1<br>67KOC1<br>68KOC1<br>68KOC2<br>68KOC2 | TS. Nguyễn Văn Mạnh                               | Hoàn thành |
| 13. | CK-2025-19 | Nghiên cứu hệ thống phanh tự động trên xe du lịch                                                   | Vũ Văn Quyết<br>Nguyễn Gia Sơn                                                               | 67KOC2<br>67KOC2                               | ThS. Tổng Xuân Lộc                                | Hoàn thành |



| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                     | Sinh viên thực hiện                                                    | Lớp                              | Giáo viên hướng dẫn                           | Kết quả    |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------|------------|
| 14. | CK-2025-20 | "Nghiên cứu các thiết bị máy móc ứng dụng trong dây chuyền sản xuất xi măng"                   | Phoeurn Makara<br>Chean Maren<br>Pech mony<br>Mean Thourkseyha         | 68KM<br>67KG<br>68XE2<br>68XE2   | ThS. Tống Đức Năng                            | Hoàn thành |
| 15. | CK-2025-21 | Tìm hiểu công nghệ hàn ray liên phục vụ đường sắt cao tốc tại Việt Nam                         | Ngô Ngọc Tùng<br>Vũ Quang Thạch<br>Lê Viết Đức Anh<br>Trương Thanh Duy | 69ME2<br>69ME1<br>69ME1<br>69ME2 | TS. Lê Hồng Chương<br>TS. Ngô Thanh Long      | Hoàn thành |
| 16. | CK-2025-22 | Nghiên cứu thiết kế hệ thống cảnh báo lũ lụt, sạt lở giá rẻ                                    | Ngô Phúc Vinh<br>Nguyễn Thanh Hùng                                     | 69ME2<br>69ME2                   | ThS. Nguyễn Hoàng Giang<br>TS. Lê Hồng Chương | Giải Nhì   |
| 17. | CK-2025-23 | Ứng dụng ESP32 sử dụng giao thức MQTT trong xây dựng hệ thống IoT giám sát và điều khiển từ xa | Lê Quốc Huy<br>Phạm Quang Dũng                                         | 69MEC2<br>67MEC2                 | ThS. Nguyễn Như Bách                          | Hoàn thành |

(Danh sách gồm 17 đề tài)



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

KẾT QUẢ NGHIỆM THU CÁC ĐỀ TÀI KH&CN SINH VIÊN NĂM 2025  
KHOA XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY

(Theo quyết định số: 284/QĐ-ĐHXDHN ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

| TT | Mã số       | Tên đề tài                                                                                                                 | Sinh viên thực hiện                                                                             | Lớp                                                 | Giáo viên hướng dẫn                        | Kết quả    |
|----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------|
| 1. | CTT-2025-03 | Mô phỏng số dòng chảy qua đập tràn thực dụng (đỉnh hẹp) mặt cắt hình thang vuông với mái hạ lưu bố trí bậc nước            | Phạm Thanh Hà<br>Nguyễn Thị Thu Hà<br>Hoàng Năng Hải                                            | 67CLC2<br>68XD4<br>67CLC2                           | TS. Trịnh Công Tý                          | Giải Nhì   |
| 2. | CTT-2025-05 | Tầm ảnh hưởng của các tuyến đường biển Quốc tế và cơ hội của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu                        | Trần Minh Phương                                                                                | 67 LGT2                                             | ThS. Nguyễn Anh Tuấn                       | Giải Ba    |
| 3. | CTT-2025-07 | Đánh giá tác động của việc sử dụng phương tiện vận tải điện đối với chi phí và lượng khí thải carbon trong chuỗi cung ứng. | Trần Hoàng Vy Thảo<br>Hoàng Khánh Minh<br>Nguyễn Thị Ngọc Huyền<br>Phạm Ngọc Tú<br>Đỗ Duy Khanh | 68 LGT1<br>68 LGT1<br>68 LGT1<br>68 LGT1<br>68 LGT1 | ThS. Chu Bình Minh<br>ThS. Nguyễn Anh Tuấn | Giải Ba    |
| 4. | CTT-2025-08 | Đánh giá tác động của các chiến lược marketing đến hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng.                                  | Nguyễn Thị Dung<br>Phạm Đức Hoàng<br>Trần Thế Toàn<br>Hà Minh Tuấn<br>Nguyễn Hà Anh             | 68 LGT1<br>68 LGT1<br>68 LGT1<br>68 LGT1<br>68 LGT1 | ThS. Chu Bình Minh<br>ThS. Nguyễn Anh Tuấn | Hoàn thành |

(Danh sách gồm 04 đề tài)



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

**KẾT QUẢ NGHIỆM THU CÁC ĐỀ TÀI KH&CN SINH VIÊN NĂM 2025**  
**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

(Theo quyết định số: 284/QĐ-ĐHXDHN ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

| TT | Mã số        | Tên đề tài                                                                                                                               | Sinh viên thực hiện                                                                                | Lớp                                        | Giáo viên hướng dẫn                                             | Kết quả    |
|----|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------|
| 1. | CNTT-2025-01 | Nghiên cứu và cải tiến khả năng dự đoán trong giải thuật học liên kết với bài toán phân loại ảnh                                         | Hoàng Quang Duy<br>Nguyễn Xuân Phúc<br>Đặng Hoàng Hải<br>Triệu Quốc Đạt                            | 67CS1<br>67CS1<br>67CS1<br>67PM1           | ThS. Hoàng Nam Thắng                                            | Giải Nhì   |
| 2. | CNTT-2025-02 | Nghiên cứu cơ chế mã hóa trọng số với mạng đối kháng để bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng trong học liên kết                         | Đặng Hoàng Hải<br>Nguyễn Xuân Phúc<br>Hoàng Quang Duy<br>Triệu Quốc Đạt                            | 67CS1<br>67CS1<br>67CS1<br>67PM1           | ThS. Hoàng Nam Thắng                                            | Giải Nhì   |
| 3. | CNTT-2025-05 | Nghiên cứu AI tạo sinh SQL Injection và phương pháp ứng dụng cho WAF                                                                     | Hà Văn Hùng<br>Bùi Viết Hào<br>Vũ Tuấn Anh<br>Trần Thị Hồng Nhung                                  | 68IT3<br>68IT4<br>68IT4<br>67MHT2          | ThS. Bùi Thanh Phong<br>TS. Nguyễn Mạnh Thắng (Học viện mật mã) | Giải Ba    |
| 4. | CNTT-2025-07 | Nghiên cứu các phương pháp AI tạo sinh ứng dụng trong bài toán phát hiện phishing                                                        | Trần Thị Hồng Nhung<br>Nguyễn Văn Bình<br>Đỗ Minh Vương<br>Nguyễn Mạnh Quyền<br>Phạm Trần Minh Đức | 67MHT2<br>68IT6<br>68IT6<br>68IT1<br>67MHT | TS. Lê Thị Thùy Dương<br>TS Nguyễn Mạnh Thắng (Học viện mật mã) | Giải Nhất  |
| 5. | CNTT-2025-11 | Nghiên cứu và phát triển hệ thống trí tuệ nhân tạo hỏi đáp thông minh hỗ trợ Tuyển sinh Đại học                                          | Triệu Quốc Đạt<br>Đỗ Quang Hợp<br>Phạm Đăng Khoa                                                   | 67PM1<br>67CS1<br>66CSKS                   | TS. Phạm Hồng Phong<br>ThS. Hoàng Nam Thắng                     | Giải Ba    |
| 6. | CNTT-2025-12 | Xây dựng ứng dụng bản đồ xã hội hỗ trợ cộng đồng ăn chay tìm kiếm và chia sẻ địa điểm nhà hàng chay sử dụng Flutter Map và OpenStreetMap | Nguyễn Xuân Khải                                                                                   | 66CS3                                      | TS. Trần Khánh Dung                                             | Hoàn thành |



| TT | Mã số        | Tên đề tài                                                                                                      | Sinh viên thực hiện                                               | Lớp                              | Giáo viên hướng dẫn | Kết quả    |
|----|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------|------------|
| 7. | CNTT-2025-13 | Nghiên cứu ứng dụng công nghệ số để bảo tồn các di sản văn hóa vật thể                                          | Phạm Công Quân                                                    | 66PM                             | TS. Phạm Hữu Tùng   | Hoàn thành |
| 8. | CNTT-2025-14 | Ứng dụng công nghệ Blockchain trong quản lý tín chỉ các-bon                                                     | Lương Quốc Anh<br>Hoàng Văn Quyết<br>Nguyễn Văn Quang             | 66PM<br>66PM<br>66PM             | TS. Phạm Hữu Tùng   | Giải Ba    |
| 9. | CNTT-2025-15 | Xây dựng ứng dụng web khai thác mô hình BIM phục vụ quản lý tiến độ và kiểm soát chất lượng thi công công trình | Phạm Quang Khải<br>Phạm Thuỳ An<br>Lê Đức Mạnh<br>Nguyễn Đức Hiếu | 69TH2<br>69TH2<br>69TH2<br>69TH2 | ThS. Nguyễn Văn Hải | Giải Ba    |

(Danh sách gồm 09 đề tài)



KẾT QUẢ NGHIỆM THU CÁC ĐỀ TÀI KH&CN SINH VIÊN NĂM 2025  
BAN ĐÀO TẠO KỸ SƯ CHẤT LƯỢNG CAO

(Theo quyết định số: 284/QĐ-ĐHXDHN ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

| TT | Mã số       | Tên đề tài                                                                                                             | Sinh viên thực hiện                                                       | Lớp                                  | Giáo viên hướng dẫn                         | Kết quả    |
|----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------|------------|
| 1. | CLC-2025-02 | Nghiên cứu ứng dụng SAR xây dựng bản đồ vùng ngập lụt đô thị                                                           | Nguyễn Thanh Thanh<br>Nguyễn Trọng Sơn                                    | 67KSĐT<br>67XD1                      | PGS.TS Trần Đình Trọng<br>ThS. Trần Thị Huê | Giải Ba    |
| 2. | CLC-2025-07 | Phân vùng hiểm họa cháy rừng có xét đến các kịch bản biến đổi khí hậu: trường hợp nghiên cứu tại tỉnh Thái Nguyên      | Chu Hoàng Quân                                                            | 67KSGT                               | ThS. Bùi Duy Quỳnh                          | Hoàn thành |
| 3. | CLC-2025-09 | Phân vùng hiểm họa lũ lụt và đánh giá ảnh hưởng đối với khu vực dân cư tỉnh Thái Nguyên                                | Tô Ngọc Huy                                                               | 67KSGT                               | PGS.TS Lưu Thị Diệu Chinh                   | Giải Ba    |
| 4. | CLC-2025-10 | Phân vùng hiểm họa sạt lở đất và tìm hiểu các giải pháp công trình giảm thiểu thiệt hại thiên tai                      | Lê Văn Quang                                                              | 67KSGT                               | TS. Nguyễn Đức Mạnh                         | Giải Ba    |
| 5. | CLC-2025-21 | Nghiên cứu tổng hợp phụ gia chống cháy cho nhựa polyeste không no trong sản xuất đá nhân tạo                           | Nguyễn Duy Minh<br>Nguyễn Văn Hải<br>Nguyễn Duy Thịnh<br>Hoàng Lý Hải     | 69CLC2<br>66MSE1<br>66MSE1<br>66MSE1 | ThS. Lê Hà Nhật<br>TS. Đỗ Thị Thanh Hà      | Giải Nhì   |
| 6. | CLC-2025-22 | Nghiên cứu chế tạo gạch bê tông lát thoát nước và tự làm sạch bề mặt, có sử dụng cốt liệu tái chế từ phế thải xây dựng | Nguyễn Tiến Anh<br>Vũ Phương Minh                                         | 66KSVL<br>66KSVL                     | TS. Nguyễn Nhân Hòa                         | Giải Nhì   |
| 7. | CLC-2025-28 | Xây dựng mô hình GIS tích hợp dữ liệu hạ tầng kỹ thuật cho quy hoạch khu dân cư đô thị                                 | Đỗ Quang Vinh<br>Nguyễn Hữu Dương<br>Đào Bích Phương<br>Tạ Đình Quang Anh | 66KSĐT<br>66KSĐT<br>66KSĐT<br>66KSĐT | ThS. Nguyễn Ngọc Hùng                       | Hoàn thành |



| TT | Mã số       | Tên đề tài                                                                                                                                              | Sinh viên thực hiện                                                                          | Lớp                                            | Giáo viên hướng dẫn                    | Kết quả   |
|----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------|
| 8. | CLC-2025-29 | Nghiên cứu ứng dụng GIS đánh giá khả năng tiếp cận giao thông công cộng trong khu vực ảnh hưởng theo mô hình TOD của ga ngầm Kim Mã, Ngọc Khánh, Hà Nội | Nguyễn Khánh Ly<br>Trần Thị Khanh<br>Luyện Trọng Nhân<br>Dương Tiến Đạt<br>Nguyễn Quang Đoàn | 66KSDT<br>66KSDT<br>66KSDT<br>66KSDT<br>66KSDT | TS. Tống Ngọc Tú<br>PGS.TS Hà Thị Hằng | Giải Nhất |

(Danh sách gồm 08 đề tài)